

Bản án số: 18/2025/HNGĐ - ST
Ngày 09-9-2025
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Tình.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Đào-Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Ninh Bình tham gia phiên toà:
Ông Vũ Bá Tâm-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 27/5/1990; số định danh cá nhân: 035190001121; nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Thành N, sinh ngày 04/11/1981; số định danh cá nhân: 035081001945; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Thành N trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Tam Chúc, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận,

hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 5 năm 2023 đến nay anh chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Thành N.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Vũ Thành N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị V và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị V đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị V đầu tư làm ăn thua lỗ dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, anh đã khuyên can nhiều lần nhưng chị V không nghe dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, không còn tìm được tiếng nói chung như trước nữa. Nay chị V xin ly hôn, anh N xác định mặc dù vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng anh không nhất trí ly hôn vì anh không muốn các con phải xa bố mẹ.

Về con chung: Chị V và anh N thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là Vũ Đăng K, sinh ngày 03/10/2015 và Vũ Đăng Kh, sinh ngày 28/7/2017, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị V. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Quan điểm của chị V xin được nuôi dưỡng cả hai cháu K, Kh và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi. Quan điểm của anh N xin được nuôi dưỡng một trong hai cháu K hoặc Kh, còn lại giao cho chị V nuôi dưỡng một trong hai cháu, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về con riêng: Chị V và anh N đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị V và anh N thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Vũ Thành N. Về con chung: Giao cho chị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là cháu Vũ Đăng K và Vũ Đăng Kh cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng/01 con chung/tháng, cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Vũ Thành N là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Tam Chúc, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nặng nề. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh N. Còn anh N mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và anh chị đã ly thân nhau từ tháng 5/2023 là thực tế, bản thân anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị V và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị V được ly hôn anh N là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị V và anh N có hai con chung là Vũ Đăng K, sinh ngày 03/10/2015 và Vũ Đăng Kh, sinh ngày 28/7/2017, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị V. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cũng như phải xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên, đồng thời cũng tránh xáo trộn việc ăn ở, học hành của con và đảm bảo thuận tiện cho việc thi hành án về nuôi con. Xét thấy từ khi anh chị ly thân nhau đến nay cả hai cháu K và Kh đều ở cùng

với chị V và được chị nuôi dưỡng ăn học ổn định; lời khai của cháu K và cháu Kh đều xin được tiếp tục ở với mẹ để ổn định chỗ ở và học hành; ngoài ra, chị V đang làm nghề Kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Vận tải V có địa chỉ tại tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Ninh Bình nên có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cho chị V được quyền nuôi dưỡng cháu K và cháu Kh, anh N có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu Kh mỗi cháu 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con riêng*: Chị V và anh N không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị V và anh N cùng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Vũ Thành N.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 03/10/2015 và Vũ Đăng Kh, sinh ngày 28/7/2017 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu Kh cho chị V 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 9/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí:

- Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000151 ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. (Chị V đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

- Anh Vũ Thành N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Tam Chúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ